

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 409/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16/10/2019

V/v “*Tranh chấp Hôn nhân gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Việt Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;
2. Ông Nguyễn Quốc Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 450/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Thúy A**, sinh năm 1996, nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1991, nơi cư trú: Ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà An có mặt, ông S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Lê Thị Thúy A trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn Văn S là do cha mẹ định đoạt tiến tới hôn nhân vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, tỉnh An Giang ngày 11/8/2017. Sau khi kết hôn thì bà về làm dâu bên chồng. Nguyên nhân xin ly hôn là do ông S và bà bất đồng quan điểm sống, ông S thường xuyên ăn chơi, không chăm lo gia đình. Bà với ông S đã ly thân từ khoảng tháng 10/2018 đến nay. Trong thời

gian ly thân thì gia đình hai bên cũng không đứng ra hàn gắn mà để hai đứa tự giải quyết.

Nhận thấy bà và ông S mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu xin ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà và ông S không có con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông S theo quy định nhưng ông S vẫn không có mặt theo văn bản triệu tập của Tòa án, mặc dù trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án có phân công cán bộ đến tại nhà của ông S làm việc nhưng vẫn không gặp ông S để ghi lời khai. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà A và ông S để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được: Tại biên bản xác minh nơi cư trú thì hiện nay ông S vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 03/9/2019 được ông Nguyễn Văn N – cha ruột ông S, cho biết Sĩ có biết việc bà A ly hôn nhưng S đi làm xa nên không đến Tòa án được. Sau khi A, S đám cưới sống chung với gia đình ông, tuy nhiên hai đứa mâu thuẫn do S ăn chơi, không chăm lo gia đình. Trước tết năm 2019 A bỏ về nhà cha mẹ ruột và ly thân với S cho đến nay, theo ông khả năng hàn gắn của A và S là không thể. A và S không có con chung.

Tại phiên tòa, bà A bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông S theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bà Lê Thị Thúy A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn S. Đồng thời, ông S cư trú trên địa bàn huyện A. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông S được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông S do cha mẹ định đoạt, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q ngày 11/8/2017 theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà A xin ly hôn với ông S, Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân giữa bà A và ông S đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Mâu thuẫn giữa bà A và ông S phù hợp với lời trình bày của ông Nguyễn Văn N – cha ruột ông S, theo ông N thì ông S ăn chơi, không chăm lo cho gia đình, theo ông khả năng hàn gắn hôn nhân của bà A và ông S là không thể. Xét thấy mâu thuẫn của bà A, ông S không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của bà A theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Bà A và ông S không có con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà A xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà A là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông S không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thúy A.

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thúy A được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 100 ngày 11/8/2017 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Bà Lê Thị Thúy A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011473 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà A đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/10/2019) bà A được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn S được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Việt Quốc